

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 17/6/2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Viết Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Thanh Tuấn;  
Ông Bùi Tấn Ba.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lên – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Triều– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2019 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Vực cây Bàng, thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Bị đơn:*** Ông Huỳnh Ngọc Tr, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Vực 3, thôn S, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Hai bên đương sự có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2019, bản tự khai ngày 25/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và Ông Huỳnh Ngọc Tr có tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình sống chung vợ chồng sống với nhau bình thường cho đến tháng 01/2019 bà M phát hiện ông Tr có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, ông Tr thường xuyên gây gổ, hăm dọa đòi giết bà M. Nay bà M yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn ông Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Huỳnh Thị Thủy Y, sinh năm 1994, Huỳnh Thị Ý Nh, sinh năm 1997, Huỳnh Quốc Đ, sinh năm 1999, Huỳnh

Thị Nh, sinh ngày 10/8/2001. Hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện Bà Nguyễn Thị M yêu cầu chia tài sản chung gồm xe SH biển kiểm soát 76C1 – 517XX, giá trị hiện nay 50.000.000 đồng nhưng bà có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung..

Về nợ chung: Giữa bà M và ông Tr không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Ngoài ra bà M không yêu cầu gì thêm.

*Tại bản tự khai ngày 26/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Ông Huỳnh Ngọc Tr trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Ngọc Tr thống nhất về thời gian sống chung từ năm 1992 nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống vợ chồng bà M coi thường ông Tr trong vấn đề tiền bạc, ông có nói thì vợ chồng xảy ra cãi nhau và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, bà M về nhà cha mẹ để ở. Nay bà yêu cầu ly hôn thì ông cũng thống nhất.

Về con chung: Thống nhất như bà M trình bày.

Về tài sản chung: Ông Huỳnh Ngọc Tr thống nhất giữa ông và bà M có tài sản chung gồm: 01 xe SH biển kiểm soát 76C1 – 517XX, giá trị hiện nay 50.000.000 đồng. Ngoài ra tại đơn phản tố ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản khi ly hôn giữa ông và Bà Nguyễn Thị M gồm: 01 cây vàng 98 do bà M cất giữ trị giá 41.000.000 đồng và số tiền 550.000.000 đồng do bà M gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh D nhưng ông đã có đơn xin rút yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Ông thống nhất như bà M trình bày.

Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203, 220, 228, 264, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên không công nhận Bà Nguyễn Thị M và Ông Huỳnh Ngọc Tr là quan hệ vợ chồng; về con chung: Các con của bà M và ông Tr đều đã trưởng thành không đặt ra giải quyết; về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của Bà Nguyễn Thị M và đình chỉ yêu cầu phản tố của Ông Huỳnh Ngọc Tr về chia tài sản chung; về nợ chung: Không có nợ chung nên không xem xét; về án phí dân sự: Buộc bà Mỹ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Bà Nguyễn Thị M khởi kiện “*Ly hôn*” với Ông Huỳnh Ngọc Tr cư trú tại thôn S, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị M và Ông Huỳnh Ngọc Tr sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống giữa bà M, ông Tr xảy ra mâu thuẫn, giữa ông, bà không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng, hai bên không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Xét thấy quan hệ giữa bà M và ông Tr sống chung với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay họ cũng chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 không công nhận bà M và ông Tr là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Giữa bà M và ông Tr có 04 con chung là Huỳnh Thị Thủy Y, sinh năm 1994, Huỳnh Thị Ý Nh, sinh năm 1997, Huỳnh Quốc Đ, sinh năm 1999 và Huỳnh Thị Nh, sinh năm 2001. Hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Vào ngày 29/5/2020 nguyên đơn Bà Nguyễn Thị M có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, bị đơn Ông Huỳnh Ngọc Tr có đơn xin rút yêu cầu phản tố và tại phiên tòa ông, bà giữ nguyên rút yêu cầu, hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn. Các đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản theo quy định của pháp luật.

[5] *Về nợ chung*: Không có.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án buộc bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Căn cứ Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án hoàn trả lại cho bà M, ông Tr tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát ở trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nghĩ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 244, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận Bà Nguyễn Thị M và Ông Huỳnh Ngọc Tr là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Giữa bà M và ông Tr có 04 con chung là Huỳnh Thị Thủy Y, sinh năm 1994, Huỳnh Thị Ý Nh, sinh năm 1997, Huỳnh Quốc Đ, sinh năm 1999 và Huỳnh Thị Nh, sinh ngày 10/8/2001. Hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung:* Đình chỉ xét xử về yêu cầu chia tài sản chung của Bà Nguyễn Thị M và yêu cầu phản tố của Ông Huỳnh Ngọc Tr. Các đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản theo quy định của pháp luật.

4. *Về nợ chung:* Không có.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), Bà Nguyễn Thị M phải nộp nhưng bà đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 925.000đồng (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000635 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn nên được khấu trừ, còn phải hoàn trả lại cho bà M số tiền chênh lệch là 625.000đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ông Huỳnh Ngọc Tr số tiền tạm ứng án phí 7.387.500 đồng (Bảy triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Số: AA/2018/0000674 ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Viết Tiến**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thuận    Bùi Thị Ngọc Thanh**

**Bùi Viết Tiến**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Viết Tiến**

